TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2026/HNGĐ-ST
Ngày 26-5-2026
V/v ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đỗ Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Dung

2. Ông Đỗ Văn Thư

- Thư ký phiên toà: Bà Phan Thị Hà - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân khu vực 2 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Tuân - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 103/2026/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2026 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2026/QĐXX-ST ngày 05/5/2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Vũ Duy T sinh ngày 17/8/1976; số CCCD: 031076010544; địa chỉ: Xóm F A, xã A, thành phố Hải Phòng; có mặt;

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị Thanh N; sinh ngày 10/11/1980; số CCCD: 031180002667; địa chỉ TT: Xóm F A, xã A, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Thôn K, xã A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong Đơn khởi kiện ngày 24 tháng 01 năm 2026 và trong quá trình tố tụng, cũng nhưng tại phiên tòa nguyên đơn Vũ Duy T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị N kết hôn với nhau do tự nguyện, có tổ chức lễ cưới năm 2006, đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện A năm 2006. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, đã xảy ra bạo lực gia đình. Mâu thuẫn đã được gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả; hiện nay đang sống ly thân. Nhận thấy mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống không hạnh phúc nên đề nghị được ly hôn chị Nguyễn Thị Thanh N.

Về con chung: Anh T và chị N có 02 con chung là Vũ Minh P sinh năm 2007 và Vũ Hải Bình S năm 2012. Con Vũ Minh P đã trưởng thành, có khả năng lao động

nên không ai phải nuôi; con Vũ Hải B còn nhỏ đang ở với anh nên anh đề nghị được nuôi cháu; không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị N trình bày: Thống nhất với trình bày của anh T về thời điểm vợ chồng kết hôn và con chung; thống nhất nguyên nhân mẫu thuẫn vợ chồng và thời điểm ly thân nhau. Nay anh T xin ly hôn, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng chỉ đồng ý ly hôn khi hai bên đã thống nhất được việc giải quyết tài sản chung. Đối với nuôi con chung: Con chung Vũ Minh P đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không ai phải nuôi; con Vũ Hải B đang ở với anh T nên chị đồng ý để anh T nuôi con theo nguyện vọng được ở với bố của cháu B; chị N không yêu cầu giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, chị N không đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án này và cho anh T cơ hội để đưa ra giá, nếu không đưa được thì sẽ mời đơn vị định giá độc lập để định giá.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); Điều 51, khoản 1 Điều 56; các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử: Cho ly hôn giữa anh Vũ Duy T và chị Nguyễn Thị Thanh N; giao con chung Vũ Hải B cho anh T nuôi; nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về thẩm quyền: Theo điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì nơi bị đơn cư trú thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh T và chị N được UBND xã xã A, huyện A cấp chứng nhận kết hôn số 43 ngày 04/10/2006 nên hợp pháp. Quá trình chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính cách không hòa hợp, đã xảy ra bạo lực gia đình và sống ly thân nên anh T xin ly hôn là có căn cứ. Quan điểm của chị N chỉ đồng ý ly hôn khi hai bên đã thống nhất được với nhau về giải quyết xong tài sản chung là không chính đáng và càng làm cho quan hệ hôn nhân thêm trầm trọng kéo dài. Do vậy cần giải quyết cho hai bên được ly hôn.

[3] Về con chung: Anh T và chị N có các con như các bên trình bày ở trên là đúng. Các bên thỏa thuận để anh T trực tiếp nuôi con Vũ Hải B là tự nguyện, bảo đảm được lợi ích toàn diện và nguyện vọng ở với bố của cháu B nên chấp nhận. Con Vũ Minh P đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không giải quyết.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Không bên nào yêu cầu giải quyết nên không xét.

[5] Về tài sản chung: Không bên nào yêu cầu giải quyết nên không xét.

[6] Về án phí: Anh T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án theo quy định theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Vũ Duy T và chị Nguyễn Thị Thanh N.

Về con chung: Giao con Vũ Hải Bình S ngày 02/6/2012 cho anh V Duy T trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Không bên nào yêu cầu nên không xét.

Về tài sản chung: Không bên nào yêu cầu giải quyết nên không xét.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Vũ Duy T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 17 ngày 06/3/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh T đã nộp đủ.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND khu vực 2 - Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- UBND xã An Lão, TP Hải Phòng (ĐKKH số 43/2006);
- Đương sự;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Văn Dũng